

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TRONG XU THẾ HỘI NHẬP

TS. Võ Văn Vũ

Trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng

Tóm tắt: Thông qua phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức, bài viết làm rõ thực trạng hoạt động đào tạo tại trường Đại học TDTT Đà Nẵng ở một số khía cạnh theo chiều đo quốc tế hóa giáo dục, đó là chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế; từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo trong điều kiện hội nhập quốc tế nhằm đào tạo nguồn lực lao động TDTT có chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Giáo dục; giải pháp; chất lượng đào tạo; hội nhập.

Abstract: Through the analysis of strengths, weaknesses, opportunities and challenges, the article clarifies the current status of training activities at Danang Sport University in a number of aspects according to the dimension of educational internationalization, that is training programs, faculty, scientific research and international cooperation; thereby proposing solutions to improve the quality of training in the conditions of international integration in order to train quality sports workforce to meet the socio-economic development requirements of the country in the current period.

Keywords: Education; solution; training quality; integration.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trước đây chúng ta vốn xem giáo dục là một phúc lợi xã hội, hoạt động theo nguyên tắc phi thương mại. Nhưng kể từ khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), chúng ta phải chấp nhận một quan niệm khác về giáo dục theo cách nhìn của WTO, theo đó “giáo dục là một dịch vụ trong hoạt động thương mại và thương mại dịch vụ giáo dục cần được tự do hóa”. Giáo dục là một dịch vụ và thương mại dịch vụ (GATS), là bước đi quan trọng đầu tiên của WTO trong hành trình mở rộng từ hoạt động giáo dục nội địa thành thị trường giáo dục toàn cầu, đồng thời cũng là động lực phát triển giáo dục đối với các nước tham gia WTO. Điều này cũng đã được Chính phủ khẳng định trong Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam “Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về giáo dục đã trở thành xu thế tất

yếu...”, “Phát triển dịch vụ giáo dục và tăng cường yếu tố cạnh tranh trong hệ thống giáo dục là một trong những động lực phát triển giáo dục”.

Việc tham gia sâu rộng vào thị trường lao động quốc tế, nhất là các nước khu vực Đông Nam Á cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa đem lại nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức đối với sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước ở tất cả các lĩnh vực, trong đó có TDTT. Vì vậy, đánh giá đúng thực trạng công tác giáo dục đào tạo đại học nói chung, với các khối trường đại học TDTT nói riêng ở nước ta hiện nay để lựa chọn những giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo TDTT, đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế là hết sức quan trọng và cấp thiết. Bài viết này nghiên cứu ở góc độ trường Đại học TDTT

Đà Nẵng, song qua đó có thể cho thấy một cái nhìn chung về thực trạng của các trường đại học TĐTT ở nước ta hiện nay.

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Thực trạng về hoạt động đào tạo của trường Đại học TĐTT Đà Nẵng

Toàn cầu hóa là xu thế không thể đảo ngược và hội nhập là điều kiện cần thiết để các nước đang phát triển không bị bỏ rơi trong cuộc chơi toàn cầu. Việc hình thành thị trường lao động chung là một yêu cầu bắt buộc trong xu thế hội nhập; việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng để tham gia vào thị trường chung đó là đòi hỏi cấp thiết vì sự phát triển bền vững đối với nước trong khối ASEAN, nhất là Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, quốc tế hóa giáo dục là xu thế tất yếu và định hướng cần thiết trong chính sách phát triển giáo dục của các quốc gia để “đảm bảo sự bình đẳng về cơ hội học tập cho mọi công dân, thực thi giáo dục thường xuyên, xây dựng xã hội học tập” nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh do tác động của hội nhập quốc tế đem lại..

Về nội dung, quốc tế hóa giáo dục là quá trình các yếu tố quốc tế và liên văn hóa được tích hợp vào chức năng, nhiệm vụ, cách cung ứng và tiến trình tổ chức thực hiện giáo dục. Quá trình quốc tế hóa giáo dục diễn ra theo 02 chiều đo nội tại và bên ngoài, bao gồm các yếu tố cơ bản như: đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp dạy - học, hoạt động nghiên cứu khoa học; trao đổi hợp tác trong nước; sự dịch chuyển quốc tế của các nhân tố: người học, người dạy, chương trình giáo dục và cơ sở cung ứng giáo dục trong môi trường quốc tế.

Là một trường đại học công lập chuyên ngành TĐTT, trường Đại học TĐTT Đà Nẵng qua 43 năm xây dựng và phát triển đã đào tạo hàng chục ngàn cán bộ, giáo viên, huấn luyện viên, góp phần quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực lao động TĐTT chất lượng cao cho đất nước. Nhà trường cũng đã có những bước đi chủ động trong hội nhập giáo dục,

ký các hợp tác trao đổi về học thuật và nghiên cứu khoa học với các trường đại học, học viện TĐTT quốc tế. Tuy nhiên, trong xu thế hội nhập và đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo hiện nay, công tác đào tạo của nhà trường đã bộc lộ những bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu của quá trình hội nhập và nguồn nhân lực được đào tạo chưa đáp ứng thị trường lao động chung và nhu cầu xã hội. Phạm vi bài viết này đề cập đến một số yếu tố liên quan theo chiều đo của quốc tế hóa giáo dục, đó là chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và học thuật.

** Về chương trình đào tạo*

a) Điểm mạnh

Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng hiện đang đào tạo 03 ngành: Giáo dục thể chất, Huấn luyện thể thao và Quản lý TĐTT. Chương trình được thiết kế đào tạo theo học chế tín chỉ, đảm bảo tính liên thông giữa các trình độ đào tạo, được định kỳ xem xét điều chỉnh và mềm hóa nội dung để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Việc xây dựng các chương trình đào tạo được tuân thủ các quy định hiện hành, có tham khảo chương trình của một số trường đại học chuyên ngành TĐTT và lấy ý kiến của các nhà khoa học, giảng viên, cán bộ quản lý và cựu sinh viên.

Các chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cấu trúc hợp lý, phù hợp với chuẩn kỹ năng kiến thức của ngành đào tạo tương ứng. Nội dung chương trình được thiết kế theo hướng phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học, có học phần tự chọn phù hợp với định hướng nghề nghiệp cho sinh viên (nhưng chưa nhiều).

Trên cơ sở chuẩn đầu ra của từng ngành, các chương trình đào tạo tương ứng đều đảm bảo khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu. Tương ứng với mỗi học phần có đề cương chi tiết thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, tài liệu tham khảo và các yêu cầu mà người học cần đạt được.

Website Trường và một số ứng dụng công nghệ quản lý đào tạo hoạt động hiệu quả, là kênh thông tin quan trọng về công tác quản lý đào tạo. Các tin tức về tuyển sinh, lịch học, lịch thi, điểm quá trình học tập của người học, điểm thi kết thúc học phần, môn học và các quy định về tổ chức đào tạo khác luôn được cập nhật.

b) Điểm yếu

Thiếu tham khảo nguồn tài liệu, thông tin của các chương trình đào tạo cùng ngành ở các nước trong khu vực và quốc tế trong quá trình xây dựng chương trình. Chưa có chuẩn chương trình phù hợp với khu vực ASEAN. Chương trình đào tạo còn thiếu tính liên kết với các trường đại học sư phạm khối ngành TĐTT, với nhà tuyển dụng lao động và nhu cầu thực tiễn xã hội.

Chương trình còn ôm nhiều kiến thức cụ thể, số lượng các học phần tự chọn ít nên chưa phát huy tối đa việc lựa chọn môn học phù hợp với năng lực của người học. Một số nội dung mang tính áp đặt, giảng dạy những gì nhà trường có, chưa có sự khảo sát đánh giá toàn diện những gì xã hội và người học cần để bổ sung cập nhật, nhất là trước yêu cầu hội nhập khu vực hiện nay. Một số môn học trong các chương trình thiếu giảng viên có trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm giảng dạy.

Việc thực hiện đào tạo liên thông chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế, một phần do quy chế tuyển sinh, phần khác do nguồn nhân lực của trường còn hạn chế trong việc đáp ứng nhu cầu đào tạo, vì vậy các chương trình này khi thiết kế chỉ mới chú trọng theo hướng liên thông dọc (bậc học) mà chưa quan tâm đến tính liên thông ngang (ngành học), tuy gọi là đào tạo đa ngành nhưng thực chất hoạt động đào tạo hiện nay chỉ mang tính đơn ngành.

Cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động đào tạo ít, việc khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên sau tốt nghiệp chưa mang lại hiệu quả, chưa có các nghiên cứu đánh giá nhu cầu thị trường lao động trong lĩnh vực TĐTT khi tham gia sân chơi WTO.

Chất lượng đầu vào khá thấp, trình độ ngoại ngữ hạn chế, thụ động trong học tập nên khả năng tiếp thu các kiến thức, nhất là các kiến thức thuộc khối lý thuyết chung và lý thuyết chuyên ngành còn nhiều khó khăn.

c) Cơ hội

Luật Giáo dục Đại học sửa đổi bổ sung (2018) tạo điều kiện nâng cao vai trò tự chủ của Trường, đồng thời với xu thế hội nhập, Trường có cơ hội tiếp cận các chương trình đào tạo quốc tế, thực hiện các chương trình đào tạo liên kết, qua đó sẽ tạo điều kiện tốt hơn để hoàn thiện hệ thống các chương trình đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, đảm bảo các điều kiện giáo dục theo hướng tiếp cận các chuẩn tiên tiến quốc tế.

d) Thách thức

Do hạn chế về trình độ ngoại ngữ nên giảng viên gặp khó khăn để tham khảo, vận dụng các chương trình tiên tiến quốc tế cũng như sử dụng sách giáo khoa, giáo trình phù hợp, nhất là các môn học mới ở các lĩnh vực quản lý, kinh tế TĐTT...

Có nhiều khó khăn trong việc thẩm định và tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo liên kết và các chương trình sử dụng nguồn tài liệu nước ngoài.

Điểm xuất phát của trường thấp, năng lực và điều kiện hạn chế nên bất lợi trong đàm phán, ký kết các hợp tác liên kết đào tạo, chịu áp lực cạnh tranh cao trong quá trình tổ chức cho lực lượng lao động do trường đào tạo tham gia vào thị trường dịch vụ TĐTT trong bối cảnh thị trường chung của khu vực.

** Về đội ngũ giảng viên*

a) Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên đảm bảo về số lượng và cơ bản đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học đạt trên 90% giảng viên cơ hữu.

Cơ cấu đội ngũ giảng viên tương đối đồng bộ, hợp lý về độ tuổi và ngành nghề đào tạo. Đa

số giảng viên có tuổi đời tương đối trẻ (tuổi nghề bình quân 15-16), nhiệt tình trong công tác, có năng lực chuyên môn, năng động, có khả năng tiếp cận nhanh chóng với các hình thức, phương pháp, phương tiện giảng dạy mới, hiện đại.

Nhiều giảng viên có ý thức học tập nâng cao trình độ, đổi mới phương pháp dạy học, đa dạng hóa về hình thức và cách tiếp cận phương pháp dạy học. Các phương pháp tiếp cận hướng vào người dạy; hướng vào người học và tiếp cận cộng tác luôn được nhiều giảng viên đầu tư nghiên cứu và vận dụng để phù hợp với thực tiễn và đặc điểm của từng môn học, từng nội dung giảng dạy.

b) Điểm yếu

Mặc dù số lượng giảng viên có học vị cao tương đối đông, đạt chuẩn quy định, nhưng năng lực nghiên cứu và kinh nghiệm thực tiễn khá hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của nhà trường. Việc hạn chế về ngoại ngữ của giảng viên cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Mặt khác, đa số giảng viên quan tâm đến nhiệm vụ dạy học và tìm kiếm thêm các nguồn thu nhập khác hơn là nghiên cứu khoa học; thiếu quan tâm tìm hiểu thị trường và nhu cầu xã hội đối với các hoạt động dịch vụ nghề nghiệp, nhất là các dịch vụ lao động trong thị trường TĐTT.

Ngoài ngành Giáo dục thể chất, các ngành còn môn học mới khá nhiều, giảng viên ít tiếp cận với tài liệu, giáo trình tiên tiến quốc tế nên chất lượng dạy học không cao; một số môn thiếu giảng viên nên khó khăn trong việc bố trí kế hoạch đào tạo, công tác lập và thực hiện kế hoạch giảng dạy bị động, sinh viên gặp khó trong việc đăng ký môn học tự chọn, thậm chí không thể chọn thầy và chọn môn học.

Phương pháp dạy học đổi mới chưa triệt để, chưa đáp ứng với yêu cầu đào tạo theo học chế

tín chỉ, thiếu các biện pháp hữu hiệu để khắc phục tính thụ động trong việc tự chiếm lĩnh tri thức và kỹ năng vận động của sinh viên.

c) Cơ hội

Trong xu thế hội nhập quốc tế, cùng với luật pháp nước ta khuyến khích và tạo điều kiện cho công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu và ngược lại tạo cơ hội cho nhà trường mời các nhà khoa học, giảng viên ở các nước sang tham gia giảng dạy và trao đổi học thuật. Đồng thời chúng ta cũng có nhiều cơ hội để giảng viên tham gia các hoạt động giáo dục quốc tế, tiếp cận với các phương pháp giảng dạy hiện đại, tiên tiến trong lĩnh vực TĐTT.

d) Thách thức

Khó khăn trong việc mời giảng, nhất là giảng viên ngoài trường và quốc tế; việc kiểm soát về phẩm chất, tài liệu và năng lực của các giảng viên mời còn bất cập.

Vấn đề kinh phí để tổ chức thực hiện đối với các giáo viên nước ngoài theo cơ chế thương mại cũng là một thách thức không nhỏ đối với điều kiện của nhà trường.

** Về hoạt động nghiên cứu*

a) Điểm mạnh

Trường có đầy đủ hệ thống văn bản về tổ chức quản lý và triển khai thực hiện các hoạt động khoa học. Tạp chí Khoa học và Đào tạo xuất bản thường kỳ được tính điểm tạo điều kiện cho giảng viên công bố kết quả nghiên cứu, tích điểm để đạt được học hàm và các chức danh khoa học khác.

Các đề tài phục vụ hoạt động giảng dạy tại Trường khá tốt. Các kết quả nghiên cứu được công bố, báo cáo trong các hội nghị, hội thảo khoa học, và đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong trường, trong nước và quốc tế.

Trường đã nghiên cứu và chuyển giao ứng dụng một số đề tài, nhiệm vụ khoa học có giá trị, đóng góp vào sự phát triển chung của ngành TĐTT.

b) Điểm yếu

Năng lực nội sinh về khoa học công nghệ của trường còn yếu, chưa hình thành được các nhóm nghiên cứu mạnh ở các lĩnh vực để làm chỗ dựa cho các hoạt động nghiên cứu khoa học lớn; đội ngũ cán bộ khoa học chưa ngang tầm, ngang sức với nhiệm vụ và yêu cầu nghiên cứu khoa học trong xu thế hội nhập quốc tế.

Các đề tài nghiên cứu chủ yếu giải quyết những vấn đề nội bộ, ít các đề tài phục vụ thực tiễn xã hội; chưa chủ động liên kết, hợp tác với địa phương nên kết quả nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao cho cơ sở không nhiều.

Mối liên kết nghiên cứu của Trường với các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước còn lỏng lẻo; chưa quan tâm đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ gắn kết với các doanh nghiệp, các nhà sử dụng lao động TĐTT.

Số lượng bài báo khoa học của giảng viên đăng trên các tạp chí có uy tín trong nước và quốc tế quá ít, chất lượng chưa cao.

c) Cơ hội

Bối cảnh một thị trường chung sẽ tạo cơ hội hợp tác nghiên cứu giữa các trường cùng ngành trong khu vực, thông qua đó trường sẽ có điều kiện để hợp tác và nâng cao kinh nghiệm, năng lực nghiên cứu với các nước tiên tiến trong khu vực.

Nắm bắt được cơ hội mới sẽ tạo điều kiện cho nhà trường tiếp cận một không gian nghiên cứu khoa học mới, làm tăng tính linh hoạt, khả năng thích ứng với môi trường học thuật và khoa học tiên tiến, giúp cho hoạt động nghiên cứu khoa học của trường được cải thiện và nâng cao.

d) Thách thức

Điểm xuất phát về hoạt động nghiên cứu khoa học thấp, kinh nghiệm và năng lực nghiên cứu thực tiễn hạn chế sẽ là một thách thức không nhỏ đối với hoạt động liên kết nghiên cứu và chuyển giao công nghệ trong bối cảnh

thị trường chung của khu vực, nhà trường gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm đối tác phù hợp để hợp tác nghiên cứu bình đẳng và tìm kiếm các nguồn tài trợ cho các hoạt động khoa học.

* Về hợp tác quốc tế

a) Điểm mạnh

Trường đã chú trọng xúc tiến quan hệ hợp tác quốc tế để trao đổi học thuật, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học TĐTT, Trường đã thiết lập mối quan hệ hợp tác với một số trường đại học ở Anh, Trung Quốc, Đài Loan, Thái Lan... Thông qua kết quả triển khai các văn bản hợp tác trong lĩnh vực đào tạo, trường đã cử một số giảng viên học tập nâng cao trình độ tại các cơ sở này.

Hàng năm có các đoàn cán bộ giảng viên đi tham quan, trao đổi và học tập ngắn hạn tại các trường nước ngoài, đồng thời đón tiếp các chuyên gia, giảng viên và sinh viên nước ngoài đến giảng dạy, trao đổi kinh nghiệm học thuật, giao lưu văn hóa, học tập, qua đó đã tạo môi trường cho giảng viên, nhất là giảng viên trẻ tiếp cận với các hoạt động quốc tế để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và khả năng nghiên cứu.

b) Điểm yếu

Năng lực tổ chức thực hiện và thực lực để hội nhập quốc tế về học thuật và nghiên cứu nhìn chung còn yếu, trường chưa có đủ nhân sự và xây dựng được bộ máy năng động, nhạy bén để hoạt động, hợp tác với các đối tác nước ngoài. Một số cán bộ có chuyên môn tốt nhưng không sử dụng tốt ngoại ngữ nên chưa đạt được hiệu quả mong muốn trong quan hệ quốc tế.

Việc thực hiện các điều khoản đã ký kết hợp tác với các trường, học viện TĐTT còn nhiều hạn chế, khó khăn, chủ yếu do Trường chưa đủ nguồn lực để có thể lựa chọn các phương thức liên kết đào tạo phù hợp với đối tác nước ngoài. Mối quan hệ hợp tác giữa Trường với các đối tác nước ngoài lỏng lẻo, không duy trì liên tục và bền vững.

Các tiêu chí về hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ không chưa thực hiện được, còn thiếu các cơ chế khuyến khích hợp tác quốc tế, đặc biệt là cơ chế tài chính. Mặt khác, do đặc thù cũng như là tiềm lực, nhân lực và điều kiện của trường còn hạn chế nên việc xúc tiến các quá trình hợp tác theo cơ chế đôi bên cùng có lợi (win/win) hầu như không thực hiện được.

c) Cơ hội

Thông tin và việc trao đổi thông tin ngày càng hiệu quả, hợp tác quốc tế trong xu thế hiện nay tạo điều kiện thuận lợi để góp phần đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực, bổ sung tăng cường cơ sở vật chất, phục vụ nhu cầu học tập đa dạng của sinh viên.

Thông qua việc liên kết với các nước ngoài có thể đem lại lợi ích đáng kể về đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học hiện đại. Sinh viên được tiếp xúc với không gian đa văn hóa, mở rộng tầm nhìn và rèn luyện kỹ năng sống.

d) Thách thức

Thách thức đối với hoạt động hợp tác quốc tế trong học thuật và nghiên cứu của nhà trường chủ yếu là đội ngũ giảng viên chưa có đủ bằng cấp và trình độ ngoại ngữ để liên kết, hợp tác với các trường ở nước ngoài.

Thị trường lao động TDDT của nước ta còn manh mún, nhỏ lẻ, chưa đủ sức thu hút các nhà đầu tư quốc tế, năng lực cạnh tranh trong đào tạo còn thấp nên nguồn nhân lực, nói cách khác là lực lượng lao động chuyên sâu TDDT do trường đào tạo ra khó có cơ hội tiếp cận các việc làm phù hợp trong bối cảnh hội nhập.

2. Một số giải pháp chủ yếu

* *Đổi mới chương trình đào tạo*

Để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo thì phải có chương trình đào tạo tiên tiến, tiếp cận với chuẩn chương trình đào tạo của khu vực và quốc tế, phù hợp với các chương trình đào tạo tiên tiến của thế giới. Chương trình đào tạo mới được xây dựng cần phải đảm bảo được

02 nhiệm vụ, một là phát triển sâu về kiến thức chuyên môn cho sinh viên và hai là phải tạo điều kiện giúp cho sinh viên rèn luyện các kỹ năng cá nhân và giao tiếp, phù hợp với các yêu cầu hội nhập trong thị trường lao động TDDT chung của khu vực và thế giới.

Lập và thực hiện kế hoạch kiểm định chất lượng Chương trình đào tạo theo lộ trình để công bố và khẳng định chất lượng đào tạo của Trường. Khi xây dựng chương trình đào tạo mới, không nên phủ nhận hay loại bỏ chương trình hiện hành mà cần có sự kế thừa, một mặt phải giữ lại những môn học chuyên ngành, những nội dung cơ bản của chương trình, mặt khác thiết kế các môn học có tính bổ trợ lẫn nhau; đồng thời tăng cường giáo dục những kỹ năng cá nhân và giao tiếp như kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức công việc, kỹ năng đọc lập nghiên cứu...

Giảng viên phải định kỳ cập nhật và hoàn thiện đề cương chi tiết học phần, trong mỗi đề cương học phần cần có nội dung cốt lõi, nội dung liên quan gần và nội dung liên quan xa để đảm bảo các mức độ tiếp thu tùy theo năng lực của người học (nội dung cần phải biết, nội dung nên biết và nội dung có thể biết...). Đây là điều kiện cần thiết để giúp người học nắm bắt được các thông tin của môn học, giúp họ chủ động xây dựng kế hoạch học tập, mặt khác đạt được yêu cầu nâng cao tính chủ động của người học trong việc tự học, tự nghiên cứu.

Để thực hiện hiệu quả các chương trình đào tạo này, nên có định hướng ổn định chỉ tiêu tuyển sinh, nâng cao chất lượng đầu vào, cam kết đầu ra, đồng thời cần phải ưu tiên tăng suất đầu tư kinh phí trên mỗi sinh viên để đảm bảo các điều kiện tổ chức giảng dạy và đảm bảo quyền lợi của giảng viên.

* *Nâng cao năng lực của giảng viên*

Chất lượng giảng viên có vai trò quyết định trong việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, vì vậy việc nâng cao chất lượng giảng viên có thể xem là giải pháp đột phá. Để nâng

cao trình độ giảng viên, cần có một số biện pháp sau:

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, tự đào tạo và đào tạo lại đối với đội ngũ giảng viên, có các biện pháp đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, gắn hoạt động nghiên cứu với giảng dạy nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu cho đội ngũ giảng viên.

- Tiếp tục nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với đặc thù chuyên ngành TDTT, đặc biệt là sử dụng hình thức tiếp cận cộng tác trong dạy học, nghĩa là người dạy thiết kế nội dung bài học phải đảm bảo chức năng tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra quá trình nắm tri thức, kỹ năng kỹ xảo, còn người học phải nâng cao được tính chủ động, tự điều khiển quá trình chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng kỹ xảo vận động.

- Định kỳ tổ chức sát hạch giảng viên, đánh giá năng lực và các kỹ năng cần thiết để có hướng bồi dưỡng, đào tạo và sử dụng thích hợp. Trong các năng lực của giảng viên hiện nay, ta thường mới chú trọng năng lực chuyên môn (thể hiện qua bằng cấp), ít chú trọng đánh giá năng lực giảng dạy (trình độ), còn năng lực nghiên cứu của giảng viên nhìn chung là phần hạn chế nhất (kết quả nghiên cứu khoa học). Trong các kỹ năng, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh) có thể xem là điểm yếu nhất. Giải quyết được các vấn đề này là biện pháp hữu hiệu để nâng cao chất lượng đào tạo.

- Tạo cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút những người có trình độ chuyên môn cao tham gia công tác giảng dạy, đồng thời cần có các chế độ đãi ngộ hợp lý để giảng viên yên tâm công tác và cống hiến.

- Đối với giảng viên, việc đạt được các tiêu chuẩn về bằng cấp, học vị là điều kiện cần đòi nhưng chưa đủ, mà mỗi giảng viên cần phải tiếp tục tự học và chịu khó tham gia nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chuyên môn sâu của mình, kết quả nghiên cứu phải tạo ra được những sản phẩm khoa học đóng góp thiết thực cho xã hội.

*** Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học**

Hoạt động nghiên cứu khoa học có vai trò quan trọng trong việc giúp nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên và chất lượng đào tạo. Vì vậy, các trường đại học TDTT cần phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa nghiên cứu, ứng dụng và giảng dạy. Cần có những quy định, yêu cầu và chế tài cụ thể về hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên để nâng cao ý thức, trách nhiệm giảng viên đối với nhiệm vụ nghiên cứu.

Tăng cường hơn nữa sự hợp tác giữa Trường với các trường đại học TDTT để cùng phát huy sức mạnh của đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất kỹ thuật để thực hiện các công trình khoa học có giá trị và hiệu quả ứng dụng cao. Điều này đòi hỏi phải có các hoạt động trao đổi chuyên môn và học thuật thường xuyên giữa các trường. Các trường Đại học TDTT cần thường xuyên liên kết tổ chức các hội nghị khoa học tầm quốc gia và quốc tế để tăng cường trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu, khuyến khích các nhà khoa học, cán bộ giảng viên trao đổi, công bố các kết quả nghiên cứu.

*** Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu**

Nghiên cứu hợp tác với các trường đại học, học viện trong khu vực, đặc biệt đối tác chiến lược để xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình liên kết đào tạo TDTT như các hình thức đào tạo 2+2, 1+3, các chương trình du học tại chỗ, các chương trình chuyên môn nghiệp vụ ngắn hạn...

Khuyến khích, đẩy mạnh đào tạo ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh để cán bộ giảng viên và sinh viên có đủ điều kiện tối thiểu trong việc hội nhập quốc tế và khu vực. Ưu tiên lựa chọn sinh viên giỏi, có trình độ ngoại ngữ tốt để tham gia các chương trình trao đổi sinh viên ngắn hạn, động viên phong trào học tập trong nhà trường.

Củng cố mối quan hệ bền vững với các đối tác hiện có và mở rộng hoạt động hợp tác với các đối tác chiến lược, đối tác mới.

Tập trung các nội dung hợp tác trọng điểm như: trao đổi thông tin học thuật, chương trình đào tạo; trao đổi giảng viên, sinh viên; phối hợp tổ chức và tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế.

KẾT LUẬN

Nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học TDTT Đà Nẵng là một yêu cầu cấp thiết nhằm đào tạo nguồn lực lao động TDTT có chất lượng đáp ứng điều kiện hội nhập khu vực và quốc tế ngày càng sâu rộng trong giai đoạn hiện nay.

Để nâng cao chất lượng đào tạo trong lĩnh vực TDTT, cần phải có một sự đánh giá nghiêm túc, toàn diện, có sự điều chỉnh đồng bộ ở các khâu theo xu hướng quốc tế hóa giáo dục, trong đó chú trọng các yếu tố cơ bản của các chiều đo về chương trình đào tạo, vai trò người thầy, hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế với mục tiêu lấy người học làm trung tâm và là sản phẩm của quá trình đào tạo, một sản phẩm có chất lượng cao nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập thị trường chung của khu vực và quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013), *Nghị quyết “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*.
- [2]. Bộ Ngoại giao (2016), *Giới thiệu chung về cộng đồng ASEAN*.
- [3]. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2015), *Kỷ yếu hội nghị - hội thảo khoa học và công nghệ năm 2015*.
- [4]. Thủ tướng chính phủ (2012), *Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 (ban hành kèm theo quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 13/6/2012)*.
- [5]. Trường Đại học TDTT Đà Nẵng (2020), *Báo cáo tự đánh giá cơ sở giáo dục (để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học)*.